

Số: 09./TB-MNĐTSD

Long Biên, ngày 05 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO

(V/v công khai thực hiện dự toán thu- chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2023)

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, được tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, được tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 9899/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của quận Long Biên.

Căn cứ tình hình thực tế thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng cuối năm 2023.

Trường MN Đô thị Sài Đồng ra thông báo niêm yết công khai như sau:

1. Nội dung: Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2023.

2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 06/01/2024 đến hết ngày 06/04/2024.

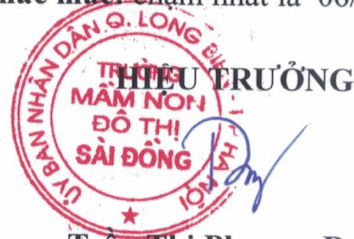
3. Địa điểm công khai: Bảng tin trường mầm non Đô thị Sài Đồng, cổng thông tin điện tử của nhà trường

4. Bộ phận thực hiện: Hiệu trưởng, kế toán TB TTND, thủ quỹ công khai tới toàn bộ CBGVNV trong nhà trường.

5. Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 06/01/2024 đến hết ngày 06/04/2024.

- **Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi:** Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hòm thư của nhà trường.

- **Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc:** chậm nhất là 06/04/2024.



Trần Thị Phương Dung

Số: 10./QĐ-MNĐTSD

Long Biên, ngày 05 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

(V/v công khai thực hiện dự toán thu- chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2023)

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, được tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, được tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 9899/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của quận Long Biên.

Xét đề nghị của văn phòng trường Mầm non Đô thị Sài Đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2023 (theo biểu đính kèm).

Thời gian công khai: 06/01/2024 đến 06/04/2024

Hình thức công khai: Niêm yết tại Bảng tin trường MN Đô thị Sài Đồng, cổng thông tin điện tử trường MN Đô thị Sài Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng trường Mầm non Đô thị Sài Đồng và các bộ phận liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Kế toán;
- Lưu: VP.



BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI
(V/v công khai thực hiện dự toán thu- chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2023)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, được tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, được tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 10./QĐ-MNĐTSD ngày 05/01/2024 của trường mầm non Đô thị Sài Đồng về việc công khai thực hiện công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2023

Hôm nay, vào hồi 09h00 ngày 06/01/2024, tại bảng tin của trường mầm non Đô thị Sài Đồng.

Thành phần gồm có:

- | | |
|----------------------------|--------------------------|
| 1/ Bà Trần Thị Phương Dung | Chức vụ: Hiệu trưởng |
| 2/ Bà Lương Thị Hào | Chức vụ: Phó HT- CTCĐ |
| 3/ Bà Đào Thị Thanh Mai | Chức vụ: Thư ký |
| 4/ Âu Thị Giang | Chức vụ: Kế toán |
| 5/ Bà Đỗ Thị Lan Anh | Chức vụ: Trưởng ban TTND |

Đã tiến hành niêm yết công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2023.

Thời gian niêm yết: Từ ngày 06/01/2024 đến hết ngày 06/04/2024.

Địa điểm niêm yết: Bảng tin trường mầm non Đô thị Sài Đồng.

Biên bản lập xong vào hồi 9h30p ngày 06/01/2024.

NGƯỜI LẬP



Đào Thị Thanh Mai



Trần Thị Phương Dung

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường mầm non ĐT Sài Đồng

Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Biên, ngày 05. tháng 01. năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2023	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ%)	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	12,928,390,000	6,125,940,935	47%	0%
I	Số thu học phí	12,728,390,000	5,964,392,935	47%	0%
2	Chi từ nguồn thu Học phí	12,728,390,000	5,964,392,935	47%	0%
*	Chi thanh toán cá nhân	3,915,654,000	2,173,175,849	55%	0%
6000	Tiền lương	1,352,831,000	721,244,076	53%	0%
6050	Tiền công	1,077,710,000	602,574,084	56%	0%
6100	Các khoản phụ cấp theo lương	774,186,000	384,127,296	50%	0%
6300	Các khoản trích nộp theo lương	610,927,000	465,230,393	76%	0%
6250	Phúc lợi tập thể			0%	0%
6400	Thu nhập khác	100,000,000	0	0%	0%
*	Chi về hàng hóa, dịch vụ	8,812,736,000	3,791,217,086	43%	
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	209,040,000	134,886,128	65%	0%
6550	Văn phòng phẩm	399,000,000	334,822,692	84%	0%
6600	Thông tin tuyên truyền, liên lạc	48,400,000	4,808,612	10%	0%
6650	Hội nghị	28,000,000	0	0%	0%
6700	Khoản công tác phí	12,000,000	6,000,000	50%	0%

6750	Chi phí thuê mướn	489,396,000	309,336,838	63%	0%
6900	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ	272,500,000	0	0%	0%
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	6,175,600,000	2,386,064,086	39%	0%
7050	Mua sắm tài sản vô hình	25,000,000	4,500,000	18%	0%
7750	Chi khác	296,200,000	169,712,765	57%	0%
7950	Chi trích lập các quỹ của đơn vị	857,600,000	441,085,965	51%	0%
B	DỰ TOÁN CHI NSNN	200,000,000	161,548,000	81%	1022%
1	Chi quản lý hành chính	0			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	200,000,000	161,548,000	81%	1022%
3.1	Kinh phí không tự chủ(02.12) Trường học điện tử	200,000,000	161,548,000	81%	1022%
6600	Thông tin tuyên truyền, liên lạc	15,200,000	5,349,644	35%	242%
6900	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ	104,800,000	55,196,036	53%	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	35,000,000	71,052,320	203%	
7050	Mua sắm TS vô hình	27,000,000	29,950,000	111%	329%
7750	Chi khác	18,000,000	-	0%	0%

Ngày 05 tháng 01 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Thị Phương Dung

Mã chương: 622
Đơn vị báo cáo: Trường Mầm non Đỗ Thị Sài Đồng
Mã ĐVQHNS: 1118242

Phụ biểu F01-01/BCQT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC
ngày 10/10/2017 tại Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CHI TIẾT CHI TỪ NGUỒN NSNN VÀ NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ, ĐỀ LẠI

Từ ngày 01/7/2023 đến ngày 31/12/2023

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
				I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	5.964.392.935					5.964.392.935
					9.381.938					9.381.938
					9.381.938					9.381.938
		6000		Tiền lương	721.244.076					721.244.076
			6001	Lương theo ngạch, bậc	721.244.076					721.244.076
		6050		Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	602.574.084					602.574.084
			6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	503.974.440					503.974.440
			6099	Tiền công khác	98.599.644					98.599.644
		6100		Phụ cấp lương	384.127.296					384.127.296
			6101	Phụ cấp chức vụ	11.653.206					11.653.206
			6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	272.947.500					272.947.500
			6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	10.440.000					10.440.000
			6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	89.086.590					89.086.590

Đơn vị tính: Đồng

Mã chương: 622
Đơn vị báo cáo: Trường Mầm non Đô Thị Sài Đồng
Mã ĐVQHNS: 1118242

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
		6300		Các khoản đóng góp	465.230.393					465.230.393
			6301	Bảo hiểm xã hội	344.271.018					344.271.018
			6302	Bảo hiểm y tế	40.637.929					40.637.929
			6303	Kinh phí công đoàn	32.410.743					32.410.743
			6349	Các khoản đóng góp khác	47.910.703					47.910.703
		6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	134.886.128					134.886.128
			6501	Tiền điện	77.054.520					77.054.520
			6502	Tiền nước	54.231.608					54.231.608
			6504	Tiền vệ sinh, môi trường	3.600.000					3.600.000
		6550		Vật tư văn phòng	334.822.692					334.822.692
			6551	Văn phòng phẩm	19.700.000					19.700.000
			6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	71.562.641					71.562.641
			6599	Vật tư văn phòng khác	243.560.051					243.560.051
		6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	4.808.612					4.808.612
			6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	1.699.612					1.699.612
			6606	Tuyên truyền, quảng cáo	3.109.000					3.109.000

Mã chương: 622
Đơn vị báo cáo: Trường Mầm non Đô Thị Sài Đồng
Mã ĐVQHNS: 1118242

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
		6700		Công tác phí	6.000.000					6.000.000
			6704	Khoản công tác phí	6.000.000					6.000.000
		6750		Chi phí thuê mướn	309.336.838					309.336.838
			6757	Thuê lao động trong nước	177.742.718					177.742.718
			6799	Chi phí thuê mướn khác	131.594.120					131.594.120
		7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	2.386.064.086					2.386.064.086
			7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	122.799.870					122.799.870
			7049	Chi khác	2.263.264.216					2.263.264.216
		7050		Mua sắm tài sản vô hình	4.500.000					4.500.000
			7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	4.500.000					4.500.000
		7750		Chi khác	160.330.827					160.330.827
			7799	Chi các khoản khác	160.330.827					160.330.827
		7950		Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	441.085.965					441.085.965
			7951	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	150.000.000					150.000.000
			7952	Chi lập Quỹ phúc lợi	181.000.000					181.000.000
			7954	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	110.085.965					110.085.965

Mã chương: 622
Đơn vị báo cáo: Trường Mầm non Đô Thị Sài Đồng
Mã ĐVQHNS: 1118242

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
				II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	161.548.000	161.548.000				
		6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	5.349.644	5.349.644				
			6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	5.349.644	5.349.644				
		6900		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	55.196.036	55.196.036				
			6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	26.359.536	26.359.536				
			6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	28.836.500	28.836.500				
		7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	71.052.320	71.052.320				
			7049	Chi khác	71.052.320	71.052.320				
		7050		Mua sắm tài sản vô hình	29.950.000	29.950.000				
			7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	29.950.000	29.950.000				
				Tổng cộng	6.125.940.935	161.548.000				5.964.392.935

Mã chương: 622
Đơn vị báo cáo: Trường Mầm non Đô Thị Sài Đồng
Mã ĐVQHNS: 1118242

Lập, ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ và tên)


Âu Thị Giang

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ và tên)



Âu Thị Giang

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ và tên, đóng dấu)



Trần Thị Phương Dung